TANDHUYỆN ĐẠI TỪ **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:138/2018/HS-ST
Ngày: 25/10/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Kiên
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Quang Hợp.
2. Bà Hoàng Thị Trọng.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Loan - Thư ký TAND huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Như Hảo - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 10 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 80/2018/TLST-HS ngày 01 tháng 10 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2018/QĐXXST - HS ngày 09 tháng 10 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn Q** (*tên gọi khác: không*), SN 24/12/1979;

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Xóm A, xã H, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Nghề nghiệp: Làm chè; trình độ văn hoá: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chú giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1945 và bà Đoàn Thị S, sinh năm 1945; Vợ: Trịnh Thị H, sinh năm 1981; con: 02 con, lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh 2010.

Tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: không;

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam, hiện tại ngoại tại địa phương, có mặt tại phiên tòa.

**** Bị hại**:* Chị Trần Thị H, sinh năm 1996 (*Vắng mặt*)

Trú quán: Xóm Đ, xã T, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

**** Người làm chứng**:* Chị Trịnh Thị H, sinh năm 1981 (*Có mặt*)

Trú quán: Xóm A, xã H, huyện Đại Từ, Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 12/7/2018 Nguyễn Văn Q một mình điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave A BKS 20 F1- 46781 ra thị trấn H, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Khi đi đến đoạn đường liên xã H - T, thuộc xóm Đ, xã T, huyện Đại Từ, Quang vào quán nước của chị Trần Thị H để uống

nước thì thấy trên mặt bàn uống nước trong quán có để 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F3, màu vàng, màn hình cảm ứng (*là điện thoại di động của chị H*). Lúc này Q quan sát tại quán không có người nên nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại di động trên, mục đích mang về để sử dụng cho bản thân. Q lấy chiếc điện thoại di động cất vào trong túi quần đang mặc rồi đi xe mô tô đến thị trấn H, huyện Đại Từ, sau đó Q mang chiếc điện thoại di động trên về nhà cất giấu để sử dụng.

Sau khi phát hiện bị mất tài sản, chị Trần Thị H đã làm đơn trình báo Công an huyện Đại Từ đề nghị giải quyết.

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn Q khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nêu trên, lời khai nhận tội của Nguyễn Văn Q phù hợp với các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án như lời khai của bị hại, vật chứng thu giữ, kết luận định giá.

Vật chứng của vụ án: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F3, màu vàng. Tại kết luận về định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đại Từ số 63 ngày 07/08/2018 kết luận có giá trị 2.200.000 đồng *(Hai triệu hai trăm nghìn đồng).* Cơ quan điều tra đã thu giữ và trả lại cho chị H quản lý, sử dụng. Chị H không có đề nghị gì. 01 chiếc xe mô tô BKS 20 F1- 46781 xác định là tài sản chung của vợ chồng Q, Cơ quan điều tra không tiến hành thu giữ.

Tại bản cáo trạng số 77/VKS - CT ngày 28/9/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Nguyễn Văn Q về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn Q và đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Q phạm tội "*Trộm cắp tài sản*". Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i,s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q từ 18 - 24 tháng tù cho hưởng án treo, buộc bị cáo chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận, bị cáo không có ý kiến tranh luận, thừa nhận việc truy tố, xét xử là đúng người đúng tội, không oan, bị cáo ăn năn hối cải và xin được giảm nhẹ hình phạt, được cải tạo tại địa phương.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét khách quan toàn bộ các chứng cứ, ý kiến đề nghị của kiểm sát viên, lời khai của bị cáo; bị hại, người làm chứng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong vụ án từ khi khởi tố vụ án, điều tra, truy tố: Cơ quan điều tra Công an huyện Đại Từ, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ; Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người làm chứng đều không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến

hành tố tụng. Do đó, các hành vi quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định.

[2] Xét hành vi của bị cáo: Khoảng 14h ngày 12/7/2018, trong khi vào uống nước tại quán của chị H, lợi dụng việc chị H sơ hở trong việc quản lý tài sản, bị cáo đã nảy sinh lòng tham lấy trộm 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F3 màn hình cảm ứng màu vàng có giá trị 2.200.000 đồng của chị H để trên bàn uống nước. Sau khi lấy trộm được điện thoại Q cất dấu vào túi quần đang mặc mục đích mang về sử dụng cho bản thân.

Bị cáo là người trưởng thành có đầy đủ khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi. Nhưng vì lòng tham bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác với lỗi cố ý. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do vậy, việc viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người đúng tội, đúng pháp luật.

Khoản 1 Điều 173 BLHS quy định:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới 50 triệu đồng……. thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm".

[3] Xét tính chất vụ án: Tính chất vụ án thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, cụ thể là tài sản của chị Trần Thị H gây mất trật tự, trị an tại địa phương.

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào. Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn; Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bố bị cáo là người có công với cách mạng, là thương binh, nhiễm chất độc mầu da cam, được tặng thưởng huân chương kháng chiến; người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; Bị cáo có đơn xin cải tạo tại địa phương được chính quyền địa phương đồng ý và xác nhận. Vì vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS.

[4] Xét nhân thân của bị cáo: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú ổn định rõ ràng. Bản thân bị cáo là đối tượng đang điều trị HIV.

[5] Về hình phạt: Căn cứ tính chất vụ án, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân ... của bị cáo, thấy cần phải có mức hình phạt tù nghiêm khắc để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật. Tuy nhiên, xét thấy chưa đến mức phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội cũng đủ điều kiện giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy hiện nay bị cáo không có công ăn việc làm, đang trong quá trình điệu trị HIV do đó miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì, HĐXX không xem xét.

[7] Về vật chứng của vụ án: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F3 màu vàng đã được trả lại cho chủ sở hữu là chị H.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

Trong vụ án này còn có 01 chiếc xe mô tô Honda Wave BKS 20 F1-46781 là xe Q sử dụng đi từ nhà đến quán chị H. Nhưng trong quá trình điều tra đã làm rõ, đó là tài sản chung của vợ chồng, không phải vật chứng trong vụ án nên không thu giữ là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: bị cáo **Nguyễn Văn Q** phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173 BLHS; điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 BLHS;

Xử phạt: bị cáo **Nguyễn Văn Q 09** (*chín*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **18** (*mười tám*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho UBND xã H, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố tình vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án. Trường hợp bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định của Điều 56 BLHS.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS; Luật án phí lệ phí; Nghị quyết 326/2016/QH ngày 30/12/2016 quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Văn Q phải chịu 200.000 đồng án phí HSST sung ngân sách nhà nước.

Án xử sơ thẩm công khai. Báo cho bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đối với người có mặt và kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại UBND đối với người vắng mặt.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư Pháp Thái Nguyên;
- Công an huyện Đại Từ;
- VKSND tỉnh TN, Huyện Đại Từ;
- Thi hành án HS, DS;
- Bị cáo, bị hại;
- UBND xã H;
- Lưu VT;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Kiên